

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **12/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 18 – 3 – 2019
*V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Liêm

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Tân
2. Ông Bùi Văn Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hùng – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 59/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 27/02/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Trung A**, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, ấp 1, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Anh **Ngô Tiến D**, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, khu B, phường C, huyện P, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Trung A trình bày

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Trung A và anh Ngô Tiến D sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện chung sống và kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước. Sau khi cưới nhau, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng

quan điểm và lối sống, anh D nghiện ma túy và đã phải cai nghiện nhiều lần dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng đã không còn chung sống cùng nhau được hơn 1 năm.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Tiến D.

Về con chung: Có 02 con chung là Ngô Kiều A₁, sinh ngày 06/6/2011 và Ngô Lê Phương A₂, sinh ngày 20/10/2013, khi ly hôn chị Trung A yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Theo nội dung bản tự khai, biên bản hòa giải anh Ngô Tiến D trình bày:

Anh D thống nhất như trình bày của chị Trung A về quá trình tìm hiểu nhau và thời gian kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn. Anh D còn trình bày thêm ngoài các nguyên nhân chị Trung A đã trình bày, còn có nguyên nhân khác đó là chị Trung A có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, theo đơn khởi kiện của chị Trung A yêu cầu ly hôn thì anh D cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Ngô Kiều A₁, sinh ngày 06/6/2011 và Ngô Lê Phương A₂, sinh ngày 20/10/2013, khi ly hôn anh D yêu cầu trực tiếp nuôi con chung Ngô Lê Phương A₂, còn Ngô Kiều A₁ chị Trung A trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: có một mảnh đất tọa lạc huyện Đ, tỉnh Bình Phước nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Trung A cho chị Anh được ly hôn với anh Ngô Tiến D và giao con chung Ngô Kiều A₁ và Ngô Lê Phương A₁ cho chị Lê Thị Trung A trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có nên không xem xét.

Kiến nghị: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Lê Thị Trung A khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn anh Ngô Tiến D có nơi cư trú tại phường C, huyện P, tỉnh Quang Ninh cùng với đơn khởi kiện còn có đơn lựa chọn tòa án giải quyết vụ án của anh Ngô Tiến D và chị Lê Thị Trung A thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân huyện H giải quyết vụ án. Đối chiếu với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về thẩm quyền của tòa án theo lãnh thổ thì Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước có căn cứ để thụ lý và giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, anh Ngô Tiến D vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Trung A và anh Ngô Tiến D đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H năm 2010. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh các mâu thuẫn như tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh D nghiện ngập và đã từng đi cai nghiện nhiều lần, không lo làm ăn, anh D thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Trung A có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Hội đồng xét xử nhận thấy, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau được hơn 1 năm, trong thời gian còn chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân đã không đạt được, đồng thời chị Trung A yêu cầu ly hôn thì anh D cũng đồng ý ly hôn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trung A về việc ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân, chị Trung A và anh D có 02 người con chung là Ngô Kiều A₁ sinh ngày 06/6/2011 và Ngô Lê Phương A₂ sinh ngày 20/10/2013, khi ly hôn chị Trung A yêu cầu nuôi cả 02 con chung, còn anh D có yêu cầu được nuôi con chung Ngô Lê Phương A₁, giao con Ngô Kiều A₂ cho chị Trung A nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, anh D thống nhất giao con chung Ngô Kiều A₁ cho chị Trung A trực tiếp nuôi dưỡng, qua tham khảo nguyện vọng thì cháu Ngô Kiều A₁ cũng có nguyện vọng muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Đối với con chung Ngô Lê Phương A₂ chưa đủ 7 tuổi và hiện tại cháu đang sống chung với chị Trung A và mẹ ruột của chị Trung A, chị Trung A có công việc

ổn định, thu nhập hàng tháng là 9.600.000đ đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung. Quá trình giải quyết vụ án anh D không chứng minh được điều kiện chăm sóc con chung, đồng thời anh D đã về Quảng Ninh sống cho đến nay đã hơn 1 năm. Hiện tại cháu Ngô Kiều A₁ và Ngô Lê Phương A₂ đang có cuộc sống và sinh hoạt cũng như học tập ổn định. Do đó, giao cả 02 người con chung cho chị Trung A trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: tại phiên tòa, chị Trung A tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị Trung A chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Trung A

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Trung A được ly hôn với anh Ngô Tiến D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 17/01/2010 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H tỉnh Bình Phước không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao con chung tên Ngô Kiều A₁, sinh ngày 06/6/2011 và Ngô Lê Phương A₂ sinh ngày 20/10/2013 cho chị Lê Thị Trung A trực tiếp nuôi dưỡng.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc

gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Trung A về việc không yêu cầu anh Ngô Tiến D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: chị Lê Thị Trung A và anh Ngô Tiến D không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về án phí: Chị Lê Thị Trung A phải chịu số tiền 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005097 ngày 20/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Đối với bị đơn, do vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H
- Các đương sự
- Nơi ĐKKH
- CCTHADS huyện H
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thành Liêm

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- THA huyện Hớn Quản;
- Đường sự;
- UBND xã Đồng Nơ;
- Lưu HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thành Liêm